nguyện tự giác của quần chúng và cán bộ, triệt để chấp hành mười chính sách này.

a) Việc tổ chức học tập cần phải tiến hành ở các cơ quan cấp khu, tỉnh, huyện trước nhằm mục đích làm cho toàn thể nhân viên cán bộ (kinh và dân tộc) của các ngành, các đoàn thể, các đơn vị bộ đội quanh khu, tỉnh, huyện nhận rõ:

1) Xuất phát điểm của mười chính sách khuyến khích sản xuất này là đẩy mạnh việc thực hiện chính sách dân tộc của Chính phủ và Đảng, phát huy thành quả việc xây dựng các khu Tự trị, chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất, cải thiện dân sinh, củng cố khối đoàn kết dân tộc, ổn định tình hình.

2) Nhận rõ tầm quan trọng của việc ban hành mười chính sách này (xem biên bản hội nghị gửi kèm theo (1)) và xác nhận sự vinh quang của người cán bộ phục vụ các dân tộc. Trên cơ sở nhận thức ấy, nâng cao tinh thần khắc phục khó khăn giải quyết các tư tưởng ngại khó, ngại khổ, động viên học tập tiếng nói dân tộc, tìm hiểu sâu sắc phong tục tập quán hoàn cảnh và trình độ nhân dân từng vùng, phát huy sáng kiến nhằm phục vụ các dân tộc đắc lực hơn.

Qua việc học tập, cần liên hệ *kiểm điểm nhẹ nhàng* những sai lệch thiếu sót trên công tác đã qua, và chủ yếu là liên hệ đề xuất các công tác cụ thể của mỗi ngành phải làm để thực hiện mười chính sách này song song với việc hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước.

b) Việc tổ chức hướng dẫn học tập và tuyên truyền trong nhân dân cần phải thận trọng, linh động và nhẹ nhàng hơn, phối hợp chặt chẽ với việc thực hiện các công tác trung tâm và đột xuất của địa phương. Tránh xu hướng tổ chức thống nhất, quy mô và hình thức.

Cần nhận định rằng việc giáo dục nhân dân nhận thức đúng đắn mười chính sách này là một công tác lâu dài, liên tục, kiên nhẫn và cụ thể; nói đến đâu làm đến đó, tránh nóng vội và giải thích tràn lan.

Có thể vận dụng các hình thức: học tập, nói chuyện, tranh ảnh, ca dao, vè, thơ dân tộc, qua học sinh ở các trường, các lớp bình dân học vụ, qua cán bộ đi công tác, qua bộ đội đóng tại địa phương, qua các hội nghị...

Việc giải thích chính sách phải có mức độ, thích hợp với từng dân tộc, lấy tự lực làm chính, tránh gây không khí chờ đợi, đòi hỏi và ỷ lại trong nhân dân.

Đối với những vùng hiện nay còn tàn dư phỉ hoạt động, cần phải có kế hoạch riêng và cụ thể trong việc tuyên truyền, giải thích và hướng dẫn học tập. Cần có dự kiến dập tan những luận điệu xuyên tạc của địch.

Việc học tập và phổ biến vào nhân dân nhằm đạt các mục đích:

— Làm cho nhân dân các dân tộc kể cả người kinh và ngoại kiều thấy rõ sự quan tâm của Chính phủ, của Đảng đến đời sống của quần chúng, đến sự giàu mạnh của các dân tộc, đồng thời cũng làm cho nhân dân thấy các khó khăn của Chính phủ và Đảng, của cơ quan, cán bộ gặp phải lâu nay, nhất là khó khăn về đặc điểm thiên nhiên của miền núi làm cho việc thực hiện chính sách dân tộc còn có thiếu sót.

— Làm cho nhân dân thấy rõ việc thực hiện chính sách này có tính chất lâu dài; một tháng, một năm không thể làm hết được; nhân dân cố gắng đến đâu, Chính phủ, Đảng sẽ giúp đỡ đến đó (cố gắng đây có ý nói là nhân dân tự nguyện tự bỏ lối canh tác cũ kỹ, phong tục tập quán có trở ngại đến sản xuất, hấp thụ những cái mới...). Điều chủ yếu trong việc thực hiện mười chính sách này vấn đề tự lực cánh sinh của nhân dân rất quan trọng, cán bộ, Chính phủ không thể làm thay.

— Làm cho nhân dân thấy rõ, muốn thực hiện tốt mười chính sách này, đẩy mạnh được sản xuất, cải thiện đời sống, khâu chính là đoàn kết các dân tộc, các dân tộc đông người giúp các dân tộc ít người, người có giúp người không, thì mới vượt được các khó khăn to lớn.

— Làm cho nhân dân phấn khởi sản xuất, và các dân tộc thấy được nhiệm vụ phát triển sản xuất của mình là bổ sung cho nền sản xuất chung của toàn quốc, góp phần kiến thiết miền Bắc và xây dựng các Khu tự trị giàu mạnh.

Đề nghị các khu, tỉnh nghiên cứu kỹ thông tư này, đặt kế hoạch hướng dẫn học tập và tuyên truyền phổ biến cho thích hợp với trình độ và hoàn cảnh từng dân tộc, từng địa phương và bảo đảm các yêu cầu đã đề ra.

Hà nội, ngày 30 tháng 9 năm 1957
T.L. Thủ tướng Chính phủ
Chủ nhiệm văn phòng Nông lâm,
Thủy lợi Thủ tướng phủ
TRẦN HỮU DỰC

NGHỊ ĐỊNH số 449-TTg ngày 3-10-1957 thành lập Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương.

(1) Không đăng trong C.B. này.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2. — Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương có nhiệm vụ giúp Chính phủ quản lý biên chế bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương, cụ thể là:

Nắm tình hình biên chế bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương;

Nghiên cứu giúp Chính phủ đề ra chủ trương, chính sách, kế hoạch về công tác điều chỉnh biên chế;

Giúp Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý biên chế bộ máy Nhà nước và thực hiện kế hoạch điều chỉnh biên chế.

Điều 3. — Thành phần Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương gồm có:

Thủ tướng Chính phủ hoặc đại diện . . . . . *Chủ tịch*

Chủ nhiệm hoặc Phó chủ nhiệm Văn phòng Nội chính Thủ tướng phủ . . . . . *Ủy viên thư ký*

Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng Bộ Nội vụ . . . . . *Ủy viên*

Bộ trưởng Bộ Lao động . . *Ủy viên*

Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng Bộ Tài chính . . . . . *Ủy viên*

Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban Ban Thống nhất trung ương. *Ủy viên*

Đại diện Ủy ban Kế hoạch Nhà nước . . . . . *Ủy viên*

Đại diện Ban tổ chức trung ương Đảng lao động Việt-nam. . *Ủy viên*

Đại diện Tổng liên đoàn lao động Việt-nam. . . . . *Ủy viên*

Khi Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương họp bàn vấn đề gì có liên quan tới Bộ nào hay là đoàn thể nào sẽ mời đại biểu của Bộ và đoàn thể đó tới dự.

Điều 4. — Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương lập ra Ban thường trực của Ủy ban.

Điều 5. — Ban thường trực Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương có nhiệm vụ:

Giải quyết công việc thường xuyên giữa hai kỳ họp của Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương;

Tổng hợp tình hình chấp hành chính sách, chủ trương, kế hoạch điều chỉnh biên chế của các Bộ, các ngành, các địa phương; nghiên cứu đề xuất vấn đề để Ủy ban xét;

Chuẩn bị và triệu tập họp Ủy ban thường lệ hoặc bất thường để nhận định tình hình, bàn chủ trương công tác mới;

Chỉ đạo Văn phòng giúp việc Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương;

Phối hợp với các Bộ trong việc chỉ đạo và kiểm tra sự thực hiện chính sách, chủ trương điều chỉnh biên chế và quản lý biên chế ở các ngành, các cấp.

Điều 6. — Thành phần Ban thường trực Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương gồm có:

Thủ tướng Chính phủ hoặc đại diện . . . . . *Trưởng ban*

Chủ nhiệm hoặc Phó chủ nhiệm Văn phòng Nội chính Thủ tướng phủ. . . . . *Ủy viên thư ký*

Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng Bộ Nội vụ. . . . . *Ủy viên*

Đại diện Ban tổ chức trung ương Đảng lao động Việt-nam . *Ủy viên*

Điều 7. — Giúp việc Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương có một văn phòng.

Điều 8. — Ở các khu, các thành phố và các tỉnh, sẽ thành lập nơi một Ủy ban điều chỉnh biên chế khu, thành phố và tỉnh trực thuộc Ủy ban Hành chính các cấp đó.

Điều 9. — Các Ủy ban điều chỉnh biên chế khu, thành phố và tỉnh có nhiệm vụ giúp Ủy ban Hành chính khu, thành phố và tỉnh:

Chỉ đạo công tác quản lý biên chế và điều chỉnh biên chế trong địa phương theo phương châm, chính sách, nguyên tắc của Chính phủ;

Tổ chức tuyên truyền giáo dục cán bộ, nhân viên và nhân dân thi hành chính sách điều chỉnh biên chế được tốt;

Kiểm tra, theo dõi công tác điều chỉnh biên chế, uốn nắn kịp thời những thiếu sót, lệch lạc trong việc thực hiện chính sách điều chỉnh biên chế ở tất cả các cơ quan và đoàn thể trong địa phương.

Điều 10. — Thành phần Ủy ban điều chỉnh biên chế khu, thành phố, tỉnh gồm có:

— Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc một Ủy viên Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh . . . . . *Chủ tịch*

— Giám đốc khu, Trưởng ty Tài chính . . . . . *Ủy viên*

— Giám đốc khu hoặc Sở, Trưởng ty Lao động . . . . . *Ủy viên*

— Trưởng phòng Tổ chức và cán bộ Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh. . . . . *Ủy viên*

— Trưởng ban tổ chức khu, thành phố, tỉnh đảng bộ Đảng lao động Việt-nam. . . . . *Ủy viên*

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 11. — Ủy ban điều chỉnh biên chế các khu, thành phố, và tỉnh lập Ban thường trực để giúp Ủy ban giải quyết công việc thường xuyên giữa hai kỳ họp Ủy ban và triệu tập các cuộc họp thường lệ hoặc bất thường của Ủy ban.

Điều 12. — Ban thường trực Ủy ban điều chỉnh biên chế khu, thành phố, tỉnh gồm có :

Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc một Ủy viên Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh . . . . . *Trưởng ban*

Trưởng phòng tổ chức và cán bộ Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh . . . . . *Ủy viên*

Điều 13. — Bộ máy giúp việc Ủy ban điều chỉnh biên chế khu, thành phố, tỉnh là Phòng tổ chức và cán bộ của Ủy ban Hành chính cấp ấy.

Điều 14. — Tổ chức và biên chế của bộ máy giúp việc Ủy ban điều chỉnh biên chế trung ương và địa phương sẽ quy định sau.

Điều 15. — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Chủ nhiệm Văn phòng Nội chính Thủ tướng phủ, Trưởng ban Ban Thống nhất trung ương và các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu, thành phố và tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 3 tháng 10 năm 1957
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

THÔNG TƯ số 460-TTg ngày 7-10-1957 về việc tăng cường công tác quản lý tài chính và chấp hành chế độ báo cáo quyết toán.

Theo các chế độ kế toán và quyết toán hiện hành, thời hạn gửi các báo cáo đến Bộ Tài chính như sau :

Báo cáo thu hàng tháng : trước ngày 10 tháng sau.

Báo cáo chi hàng tháng : Đối với các đơn vị dự toán ở trung ương : trước ngày 15 tháng sau ;

Đối với các đơn vị dự toán cấp 1 ở trung ương cần phải tập trung và tập hợp quyết toán của các đơn vị phụ thuộc : trước ngày 30 tháng sau ;

Đối với Liên khu 3, 4, khu Tả ngạn, Ban cán sự Lào — Hà — Yên, các tỉnh và thành phố (kể cả các tỉnh thuộc Lào — Hà — Yên và thuộc Khu Tự trị Việt-bắc) : trong vòng 40 ngày sau khi hết tháng ;

Đối với Khu Tự trị Thái-Mèo và Khu Tự trị Việt-bắc : trong vòng 60 ngày sau khi hết tháng.

Tổng quyết toán niên khóa : trước ngày 28 tháng hai năm sau.

Hiện nay có nhiều tỉnh và thành phố chấp hành các chế độ báo cáo trên tương đối có tiến bộ ; song các Bộ, các ngành, các đơn vị ở trung ương chấp hành còn nhiều thiếu sót, đặc biệt là về phần quyết toán chi :

Quý I và quý II năm 1956, trong thời hạn đã quy định các đơn vị ở trung ương chỉ quyết toán được non 20% tổng số cấp phát ; các tỉnh và thành phố quyết toán được 80%.

Quý III năm 1956 các đơn vị ở trung ương chỉ quyết toán được 25% tổng số cấp phát ; các tỉnh và thành phố quyết toán được 95%.

Như vậy 9 tháng đầu năm 1956 các đơn vị ở trung ương chỉ quyết toán được khoảng non 25% tổng số cấp phát.

Về tổng quyết toán toàn niên 1956 đã phải kéo dài đến cuối tháng 5-1957 mới tập trung xong phần số liệu ở trung ương, nghĩa là chậm mất ba tháng.

Năm nay, đã hết tháng 8 mà quyết toán chi của 6 tháng đầu năm của phần trung ương mới đạt được 22 % so với số cấp phát ; phần địa phương được 80 %.

Trong suốt năm 1956 và 8 tháng đầu năm 1957 chưa có một quý nào hoặc một tháng nào đến hết kỳ hạn mà Chính phủ nắm được toàn bộ tình hình thực chi của Nhà nước.

Tình hình trên rất nghiêm trọng ảnh hưởng đến việc quản lý tài chính, gây tình trạng chi tiêu nhập nhằng, sai chế độ, do đó mà gây nên tham ô lãng phí.

Để sửa chữa những thiếu sót trên đây, Thủ tướng phủ quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp và một số biện pháp chính sau đây nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính.

1) **Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong vấn đề quản lý tài chính :**

a) Các Bộ, các ngành, các cấp cần thực sự coi trọng việc quản lý tài chính như việc quản lý các công tác nghiệp vụ của cơ quan mình, làm cho tư tưởng đó thấm nhuần đến mọi cán bộ, công nhân viên phụ trách công tác quản lý nghiệp vụ, kế hoạch, tài vụ trong cơ quan. Coi trọng công tác quản lý tài chính trước hết là cần chú ý đến vấn đề quyết toán thu chi. Các Bộ, các ủy ban các cấp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về vấn đề quyết toán của Bộ mình, của địa phương mình. Muốn làm được như vậy cần củng cố các tổ chức tài vụ ở các Bộ, ở các cấp, ở các đơn vị chi tiêu, đặt nền nếp phối hợp công tác giữa các bộ phận nghiệp vụ, kế hoạch, tài vụ trong mỗi đơn vị và thường xuyên kiểm điểm tình hình thu, chi, đặt thành một kỳ